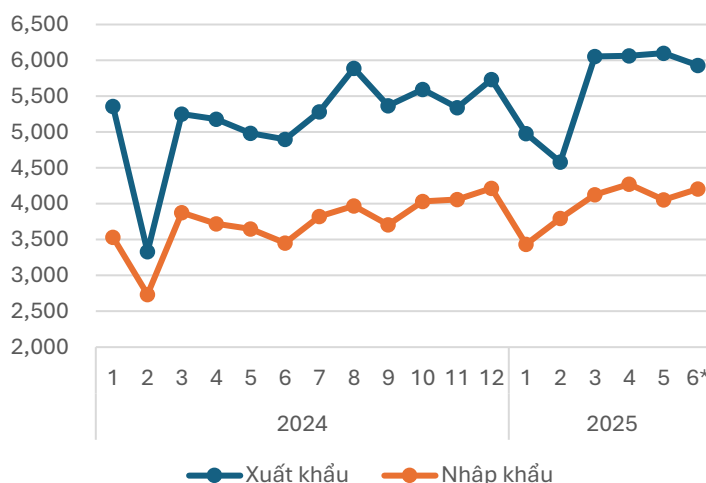


Tổng quan ngành nông nghiệp

- Sản xuất nông nghiệp trong nước thuận lợi, nguồn cung trong nước đủ đáp ứng cho tiêu dùng và xuất khẩu.
- Kế hoạch xuất khẩu NLTS đạt 65 tỷ USD năm 2025. Tính đến hết tháng 6, theo ước tính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS ước đạt 33,8 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ 2024.
- Trong 6 tháng 2025, ghi nhận sự sụt giảm mạnh của các ngành rau quả (-8,4%), gạo (-12,2%). Gạo giảm do tăng nguồn cung toàn cầu, giá gạo xuất khẩu tiếp tục giảm; rau quả giảm do xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc khó khăn. Mặc dù vậy xuất khẩu được bù đắp bởi tăng trưởng của cà phê (+67,5%), cao su (+14,4%), tiêu (+35,7%), điều (+20,4%), thủy sản (+16,9%), lâm sản (+9,3%).
- Giá các mặt hàng nông sản trong nước ổn định và không thay đổi nhiều so với các tháng đầu năm. Trong đó, giá lúa tại ĐBSCL giảm nhẹ so với tháng trước, giá rau quả giảm do nhiều loại trái cây đang chính vụ thu hoạch, giá thủy sản tăng nhẹ.

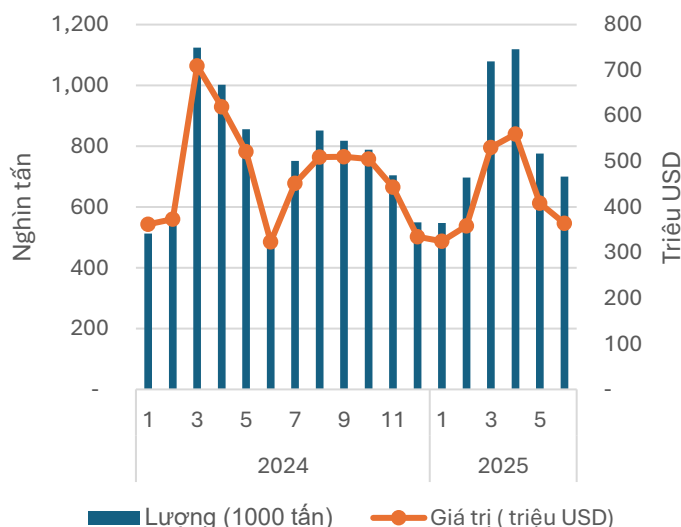
Xuất khẩu NLTS của Việt Nam 2024-2025
(triệu USD)



1. Lúa gạo

Thị trường lúa gạo Việt Nam trong tháng 6 được đánh giá là ảm đạm, trầm lắng. Vụ Đông Xuân tại ĐBSCL vừa kết thúc, tiếp diễn tình trạng "Được mùa, mất giá", điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập nông dân. Theo ước tính của Cục Chuyển đổi số, MAE, xuất khẩu tháng 6 năm 2025 lượng đạt 700 nghìn tấn, giá trị 364 triệu USD, giảm 17,8% về lượng và giảm 28% về giá trị so với cùng kỳ 2024. Nguyên nhân là giá xuất khẩu bình quân giảm mạnh, ước trong 6 tháng 2025, giảm 17,3% so với cùng kỳ 2024, xuống mức 521 USD/tấn. Chính phủ ban hành Nghị định 01/2025/NĐ-CP và Công điện 21/CĐ-TTg nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, bình ổn thị trường và hỗ trợ vốn. Trong đó tập trung vào chất lượng: Chuyển dịch mạnh mẽ sang phân khúc giá trị cao. Gạo chất lượng cao hiện chiếm 60-70% tổng lượng xuất khẩu.

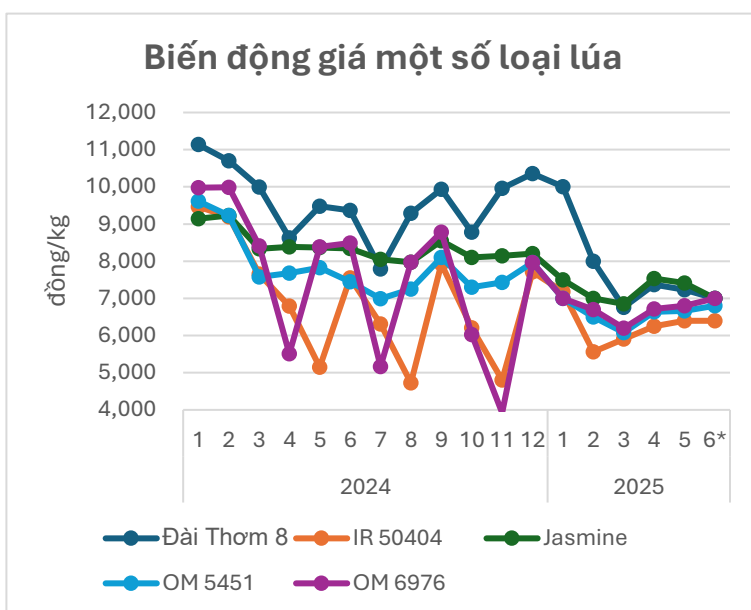
Xuất khẩu gạo theo tháng



Tiếp tục đẩy mạnh triển khai đề án 1 triệu ha trong đó tập trung tăng cường tín dụng, tiên phong xây dựng thương hiệu "Gạo Việt xanh, phát thải thấp", đã xuất khẩu thành công lô đầu tiên sang Nhật Bản với giá cao 820-850 USD/tấn. Chuẩn bị tham gia thị trường tín chỉ carbon, dự kiến vận hành thí điểm từ năm 2025.

Trong khi đó, bối cảnh Toàn cầu, theo FAO tình trạng dư cung Kỷ lục, đang khiến giá giảm sâu. Thị trường thế giới tháng 6/2025 đối mặt với tình trạng dư thừa nguồn cung. Sản lượng toàn cầu niên vụ 2024-2025 dự báo của USDA đạt kỷ lục 530,4 - 533,7 triệu tấn, vượt qua mức tiêu thụ, dẫn đến thặng dư khoản 2,37 triệu tấn. Ấn Độ trở lại thị trường từ 2024 là nguyên nhân chính, dự kiến xuất khẩu 21-25 triệu tấn trong năm 2025-2026. Giá gạo xuất khẩu của các nước chính liên tục giảm trong nửa đầu năm 2025, giảm thêm 8-12 USD/tấn trong tháng 6. Các nhà nhập khẩu chuyển sang tâm lý chờ đợi, trì hoãn mua hàng với kỳ vọng giá sẽ còn giảm sâu hơn. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, xung đột địa chính trị, và chi phí vận tải leo thang tiếp tục là những rủi ro tiềm ẩn cho an ninh lương thực toàn cầu. Thái Lan đang rơi vào khủng hoảng khi giá lúa nội địa giảm 25% , xuất khẩu 4 tháng đầu năm giảm gần 30%. Dự báo cả năm chỉ đạt 7,5 triệu tấn do năng suất thấp và cạnh tranh gay gắt (Bangkok post). Về phía các nước nhập khẩu có sự phân hóa khi Indonesia tuyên bố không nhập khẩu gạo năm 2025, tạo khoảng trống nhu cầu lớn. Thị trường Trung Quốc có sự phục hồi mạnh mẽ. Các nước Châu Phi (Bờ Biển Ngà, Ghana) đang ngày càng yêu thích gạo thơm, chất lượng cao.

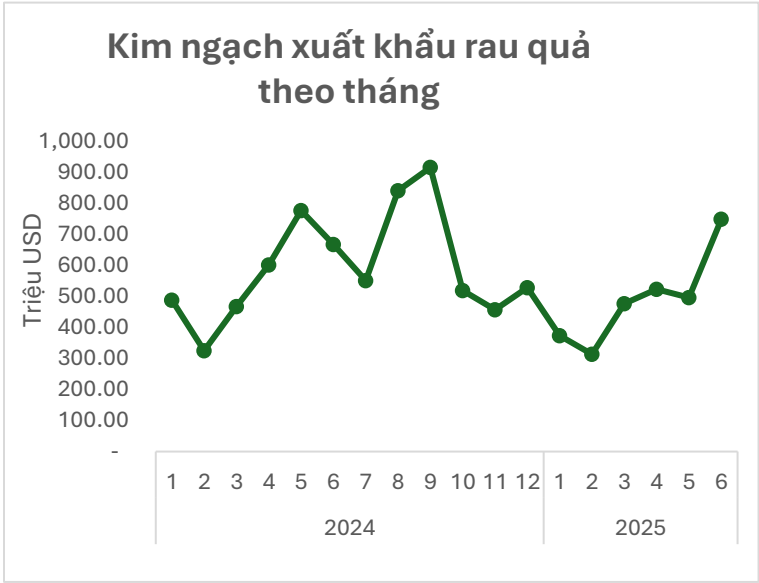
Dự báo áp lực giá toàn cầu sẽ tiếp tục trong nửa cuối năm 2025. Xuất khẩu gạo Việt Nam cả năm dự kiến đạt khoảng 7,5 triệu tấn, kim ngạch có thể suy giảm so với 2024. Khuyến nghị cho Doanh nghiệp tiếp tục đa dạng hóa thị trường, đặc biệt là châu Phi. Đầu tư chế biến sâu, xây dựng thương hiệu riêng. Chủ động áp dụng quy trình sản xuất xanh để đón đầu cơ hội từ tín chỉ carbon. Khuyến nghị cho Chính phủ, và các Bộ cần hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường carbon. Đẩy mạnh ngoại giao thương mại, quảng bá thương hiệu gạo quốc gia. Đảm bảo các chính sách hỗ trợ (tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp) đến được với nông dân một cách hiệu quả.



2. Rau quả

Trong tháng 6/2025, ngành rau quả Việt Nam ghi nhận những tiến triển tốt hơn. Đây là thời điểm chính vụ của vải thiều Việt Nam, dự kiến sản lượng thu hoạch năm 2025 đạt 303.000 tấn, tăng 30% so với năm 2024. Trong đó, sản lượng vải thiều Bắc Giang ước đạt 165.000 tấn, dự kiến xuất khẩu sang thị trường chủ lực Trung Quốc 70.000 tấn. Tính đến ngày 16/6/2024, tỉnh Bắc Giang đã tiêu thụ hơn 67.000 tấn vải thiều. Trong đó, tiêu thụ nội địa chiếm 80,3% (hơn 53.800 tấn) qua chợ, siêu thị, sàn thương mại điện tử... Xuất khẩu vải thiều của Bắc Giang đạt hơn 13.200 tấn, chủ yếu xuất sang Trung Quốc (12.800 tấn) và một phần nhỏ đến Mỹ, Nhật, EU, Canada, Úc. Giá vải dao động từ 20.000-35.000 đồng/kg, trong đó vải đạt chuẩn VietGAP hoặc GlobalGAP được bao tiêu ổn định ở mức 35.000 đồng/kg.

Kim ngạch xuất khẩu rau quả tháng 6/2025 của Việt Nam đã có sự khởi sắc trở lại ước đạt 750 triệu USD, tăng 12,2% so với tháng 6/2024, đưa kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2025 lên hơn 3 tỷ USD, giảm 8,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc vẫn là thị trường chính trong xuất khẩu rau quả của Việt Nam, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu vẫn tiếp tục xu hướng giảm. Trong 5 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc giảm 35,1% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 1,11 tỷ USD. Nguyên nhân chính vẫn được xác định là do xuất khẩu sầu riêng - một trong những mặt hàng chủ lực của Việt Nam đang gặp khó khăn tại thị trường Trung Quốc. Trong khi đó, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2025 lại ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, đạt 207,8 triệu USD, tăng 65,2% so với cùng kỳ năm 2024. Không chỉ Hoa Kỳ mà xuất khẩu rau quả sang Nhật Bản, Đài Loan và UAE cũng đều ghi nhận mức tăng trưởng hai con số, cho thấy nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường này vẫn đang mở rộng và khả năng đa dạng hóa thị trường của ngành rau quả Việt Nam.



Mặc dù xuất khẩu sầu riêng tươi đang gặp nhiều rào cản tại thị trường Trung Quốc nhưng việc xuất khẩu thành công lô sầu riêng đông lạnh đầu tiên sang Trung Quốc ngày 30/5/2025 mở ra một hướng đi chiến lược mới cho ngành sầu riêng Việt Nam. Thành công này không chỉ mở rộng không gian tiêu thụ sâu vào nội địa Trung Quốc, mà còn giúp đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và giảm rủi ro xuất khẩu. Trong dài hạn, đây có thể trở thành một trụ cột quan trọng bên cạnh sầu riêng tươi, góp phần duy trì đà tăng trưởng bền vững cho ngành hàng tỷ đô này.

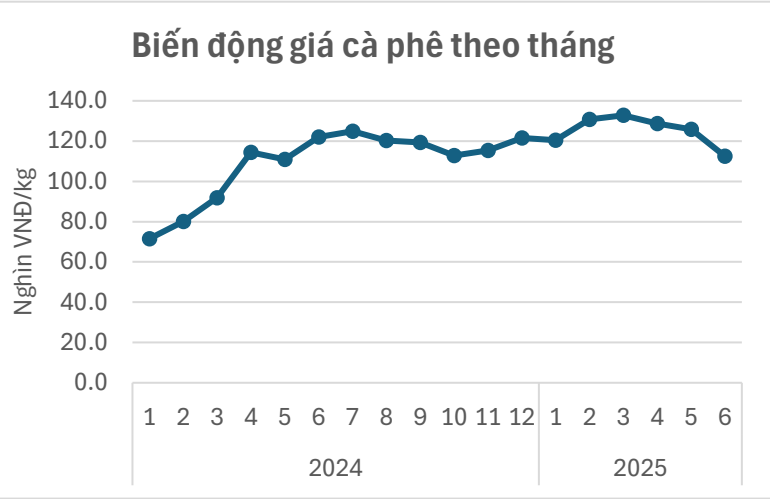
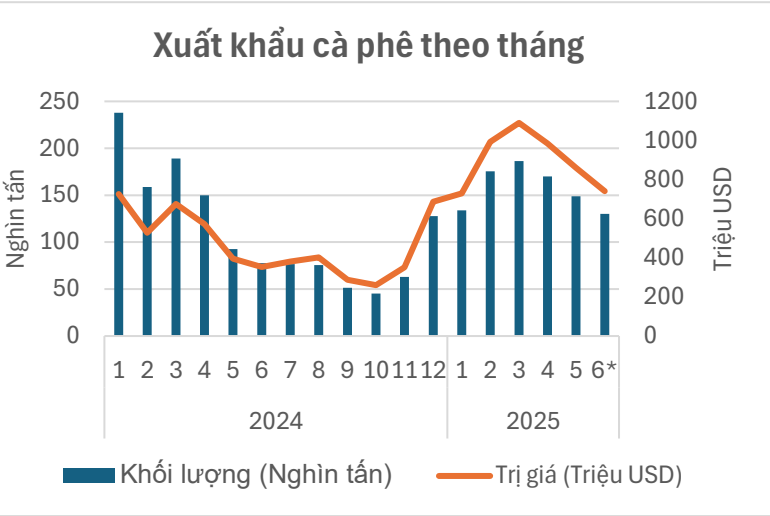
Nửa cuối năm 2025, xuất khẩu rau quả Việt Nam được kỳ vọng sẽ khởi sắc nhờ tháo gỡ vướng mắc kiểm dịch, đặc biệt với sầu riêng và trái cây nhiệt đới, khi Trung Quốc có thể tăng mạnh nhập khẩu trở lại. Nhu cầu nhập khẩu rau quả của Trung Quốc thường có xu hướng gia tăng vào các dịp lễ hội và Tết Nguyên đán - giai đoạn cuối năm và đầu năm mới. Đặc biệt, thị trường Trung Quốc hiện ngày càng ưu tiên các sản phẩm rau quả chế biến nhờ vào sự tiện lợi và giá trị gia tăng mà chúng mang lại. Các nhà xuất khẩu cần nhanh chóng thích ứng với xu hướng này và tận dụng cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu.

3. Cà phê

Trong tháng 6/2025, thị trường cà phê thế giới vẫn tiếp tục đối mặt với áp lực giảm giá do các triển vọng khả quan về vụ mùa 2025/26 và sự gia tăng về nguồn cung khi 2 nước sản xuất lớn, Brazil và Indonesia, đang trong cao điểm của vụ thu hoạch. Theo dự báo mới nhất của USDA, sản lượng cà phê toàn cầu trong niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 178,7 triệu bao, tăng 4,3 triệu bao so với năm trước, nhờ sự phục hồi sản lượng tại Việt Nam, Indonesia và mức sản lượng kỷ lục tại Ethiopia. Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu cũng được dự báo tăng 700.000 bao, đạt 122,3 triệu bao, khi mức tăng từ Việt Nam, Ethiopia và Indonesia bù đắp cho mức sụt giảm tại Brazil và Colombia. Trong đó, sản lượng cà phê của Việt dự kiến sẽ đạt 31 triệu bao, nhờ năng suất cao hơn do thời tiết thuận lợi. Theo đó, xuất khẩu cà phê nhân của Việt Nam được dự báo tăng 1,6 triệu bao, đạt 24,6 triệu bao.

Tại thị trường nội địa, giá cà phê ghi nhận xu hướng giảm liên tục trong ba tháng liên tiếp. Cụ thể, giá cà phê Robusta tháng 6/2025 đạt trung bình khoảng 112,5 nghìn đồng, giảm 10,6% so với tháng 5/2025 và giảm 15,3% so với tháng 3/2025. Trong thời gian tới, giá cà phê được dự báo sẽ tiếp tục giảm vì áp lực nguồn cung tăng.

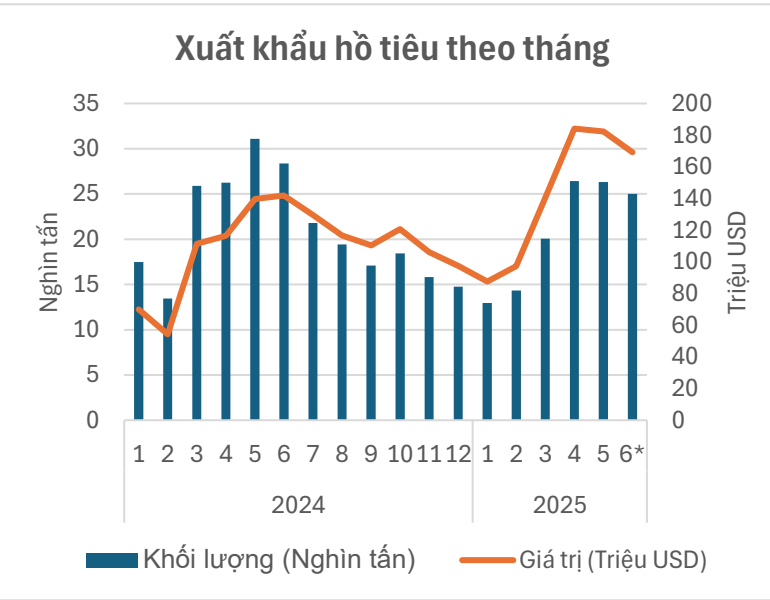
Bất chấp xu hướng giá giảm, tình hình tiêu thụ cà phê của Việt Nam vẫn ổn định khi xuất khẩu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Theo ước tính của Cục Chuyển đổi số, MAE, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 945 nghìn tấn, tương đương 5,4 tỷ USD, tăng 4,3% về khối lượng và tăng 66% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, riêng trong quý II, xuất khẩu cà phê đã tăng đến 40,1% về khối lượng và 95,6% về giá trị. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này chủ yếu đến từ sự gia tăng trong hoạt động xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến. Trong 5 tháng đầu năm 2025, khối lượng xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến đã tăng lần lượt là 30,1% và 63,8%. Nhu cầu ngày càng tăng tại các thị trường phát triển như EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản đang thúc đẩy sự quan tâm đến các dòng sản phẩm cà phê chất lượng cao và có giá trị gia tăng.



4. Hồ tiêu

Nhìn chung, giá tiêu trong nước và thế giới trong tháng 6/2025 vẫn tiếp tục xu hướng giảm, đặc biệt là trong 3 tuần đầu nhưng có dấu hiệu phục hồi vào tuần cuối tháng. So với tháng 5, giá tiêu đen trong nước đã giảm khoảng 10,4%. Mặc dù đang trong xu hướng giảm, giá tiêu vẫn cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước, đẩy kim ngạch xuất khẩu tăng cao. Theo ước tính của Cục Chuyển đổi số, MAE, tổng xuất khẩu hồ tiêu 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 25 nghìn tấn, tương đương 169 triệu USD, giảm 12,2% về khối lượng nhưng tăng 35,9% về giá trị.

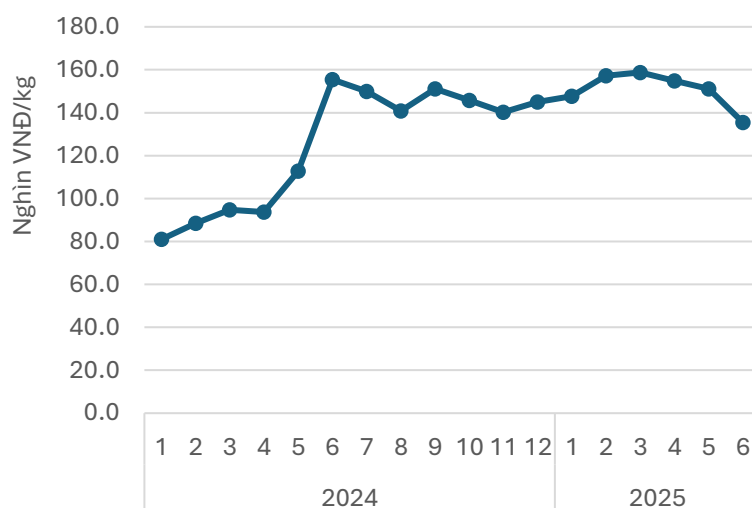
Nguyên nhân giá giảm chủ yếu do nhu cầu suy yếu từ các thị trường lớn như Trung Đông, Mỹ và Trung Quốc. Hoạt động thương mại tại Trung Đông và Mỹ trầm lắng do căng thẳng giữa Iran và Israel đẩy



chi phí vận chuyển tăng cao. Bên cạnh đó, nguồn cung gia tăng cũng tạo áp lực giảm giá: Việt Nam và Campuchia vừa kết thúc vụ thu hoạch, trong khi Indonesia dự kiến sẽ bắt đầu vụ mới vào tháng 7. Ngoài ra, căng thẳng giữa Campuchia và Thái Lan khiến lượng hồ tiêu từ Campuchia chuyển sang Việt Nam tăng lên, góp phần kéo giá nội địa giảm. Tuy nhiên, giá tiêu đã có dấu hiệu phục hồi sau thỏa thuận ngừng bắn giữa Iran và Israel vào ngày 25/6, kết thúc cuộc xung đột kéo dài 12 ngày giữa hai nước. Thỏa thuận ngừng bắn đã thúc đẩy lại nhu cầu từ thị trường Trung Đông. Theo Brazspice Spices, trong quý 3 và quý 4 năm 2025, thị trường hồ tiêu được dự báo sẽ được phục hồi khi căng thẳng quốc tế hạ nhiệt và mức tồn kho đang ở mức thấp chưa từng thấy.

Trong trung và dài hạn, triển vọng giá tiêu được đánh giá tích cực, đặc biệt khi Hiệp định thương mại Việt-Mỹ dự kiến sẽ được ký kết vào tháng 7/2025, mở ra cơ hội mở rộng thị trường và thúc đẩy xuất khẩu. Kế hoạch Mỹ áp thuế đối ứng từ ngày 9/7 cũng có thể đẩy giá tiêu Việt Nam tại Mỹ tăng mạnh và ảnh hưởng chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong nước, tâm lý giữ hàng chờ giá lên khiến nguồn cung ra thị trường hạn chế, góp phần giữ giá không giảm sâu dù có điều chỉnh nhẹ.

Biến động giá tiêu theo tháng

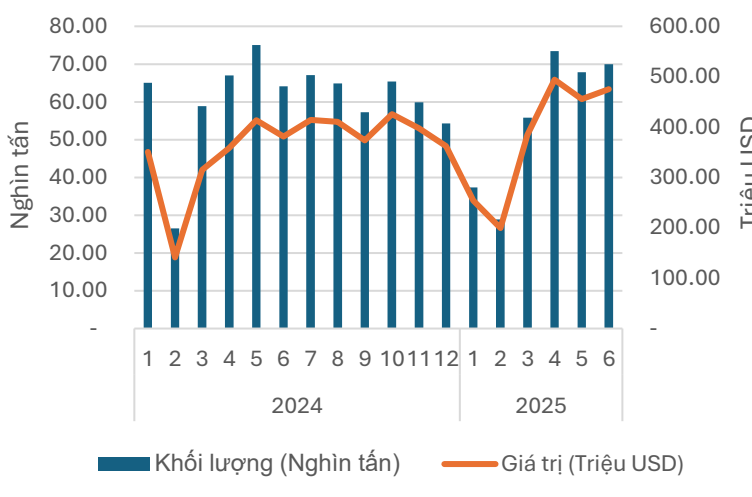


5. Điều

Xuất khẩu hạt điều nhân tháng 6/2025 ước đạt 70 nghìn tấn tương đương 475,39 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2025 lên 2,36 tỷ USD, tăng 20,4% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hà Lan vẫn là 3 thị trường xuất khẩu lớn nhất trong 5 tháng năm 2025 nhưng lại ghi nhận những biến động trái chiều. Tính chung 5 tháng, lượng xuất khẩu sang Hoa Kỳ chỉ đạt 59,75 nghìn tấn, kim ngạch 406,89 triệu USD, giảm 21,7% về lượng nhưng tăng nhẹ 0,13% về giá trị. Nguyên nhân chính là giá xuất khẩu tăng, giúp bù đắp phần nào cho sự sụt giảm về sản lượng do ảnh hưởng của thuế và bất ổn chính trị tại Mỹ. Sau ngày 2/4/2025, Mỹ áp thuế nhập khẩu 10% đối với hạt điều và một số nông sản Việt Nam, chấm dứt mức thuế 0% trước đó. Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), mức thuế này là thách thức nhưng chưa gây ảnh hưởng nghiêm trọng. Các nhà nhập khẩu Mỹ vẫn tiếp tục nhận hàng theo hợp đồng đã ký và đồng ý chi trả phần thuế bổ sung.

Trong khi xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đang gặp khó khăn, thì Trung Quốc lại ghi nhận những con số tăng trưởng ấn tượng. Tháng 5/2025, lượng hạt điều của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung

Xuất khẩu điều theo tháng



Quốc đạt mức cao nhất trong vòng 3 năm trở lại đây, đưa kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2025 lên 414,9 triệu USD, tăng 41,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Với lượng mua tăng mạnh này, Trung Quốc tiếp tục vươn lên trở thành thị trường xuất khẩu điều lớn nhất của Việt Nam. Nguyên nhân được nhận định là do sự gia tăng dân số của Trung Quốc đã góp phần làm tăng nhu cầu về các loại hạt, trong đó có hạt điều. Thế hệ trẻ dành phần lớn thời gian trong ngày để di chuyển hoặc làm việc, nên nhu cầu về đồ ăn nhẹ là hạt điều và các sản phẩm liên quan đến hạt điều đang tăng nhanh vì đây được coi là thực phẩm lành mạnh, tốt cho sức khỏe.

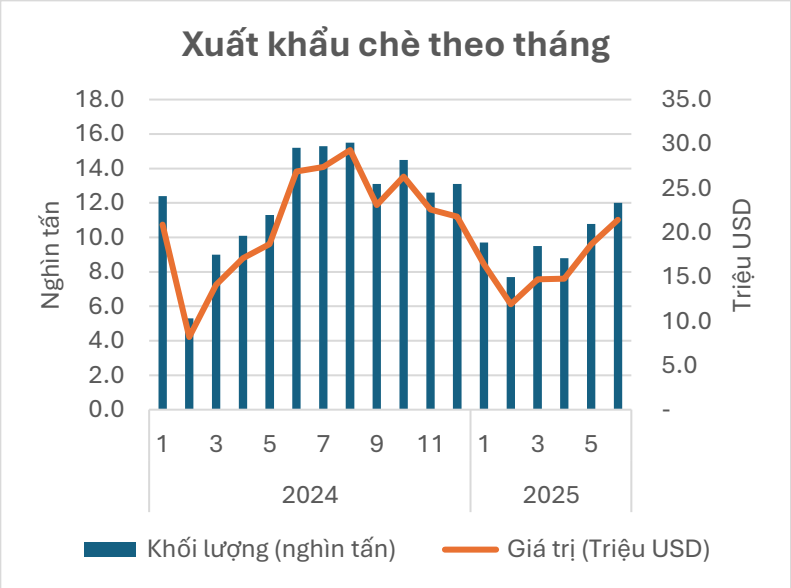
Nhập khẩu điều thô của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 tiếp tục tăng cả về lượng và giá trị, ước đạt 1,59 nghìn tấn, tương đương 2,48 tỷ USD. Một điểm sáng cho ngành điều là giá điều thô đang có xu hướng giảm, từ 1.529 USD/tấn tháng 5/2025 xuống còn 1.350 USD/tấn tháng 6/2025, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất, đặc biệt trong giai đoạn chuẩn bị cho các mùa lễ, Tết cuối năm.

Nửa cuối năm 2025, nhận định ngành điều Việt Nam vẫn có thể tăng trưởng tốt. Nhu cầu tăng ở nhiều thị trường khác ngoài Hoa Kỳ sẽ giúp ngành điều Việt Nam giảm được áp lực trước thuế đối ứng của Hoa Kỳ. Các doanh nghiệp cần tập trung vào những thị trường lớn và ổn định như Trung Quốc, EU, Úc...; đặc biệt là 2 thị trường đang tăng mạnh về nhập khẩu hạt điều trong một năm qua là Trung Đông và Hà Lan.

6. Chè

Tháng 6 năm 2025 ghi nhận nhiều diễn biến tích cực và có phần đột phá của ngành chè Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh thị trường thế giới tiếp tục biến động và nguồn cung toàn cầu có dấu hiệu khan hiếm. Trong tháng này, Việt Nam bước vào vụ thu hoạch chè mùa hè, thời điểm sản lượng tăng mạnh nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi với sản lượng ước tính chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng sản lượng cả năm (khoảng 250.000 tấn) (theo Báo Nông nghiệp và Môi trường). Tương tự như Việt Nam, các quốc gia sản xuất chè chủ đạo như Trung Quốc, Kenya và Sri Lanka cũng bước vào giai đoạn thu hoạch quan trọng trong năm. Cụ thể, trong khi sản lượng chè tại Kenya tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước và đạt mức khoảng 43 đến 48 triệu kg (theo Tea Board of Kenya, 2025), các vùng đồi miền trung và nam Kenya lại có năng suất thấp hơn 1,5 đến 1,7 tấn/ha, song duy trì chất lượng chè cao và phù hợp với nhu cầu xuất khẩu. Nhìn chung, tháng 6 là thời điểm cao điểm sản xuất chè ở nhiều quốc gia, tạo nền tảng cho nguồn cung toàn cầu trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng vẫn ổn định tại các thị trường châu Á, châu Âu và Trung Đông.

Tại Việt Nam, xuất khẩu chè ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể, đánh dấu tháng thứ ba liên tiếp trong năm tăng trưởng cả về khối lượng và giá trị. Theo ước tính của Cục Chuyển đổi số, MAE, xuất khẩu chè tháng 6/2025 ước đạt 12 nghìn tấn, đạt 21,43 triệu USD, tăng 11,4% về khối lượng và tăng 14,8% về giá trị so với tháng trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, xuất khẩu chè ước đạt 58,5 nghìn

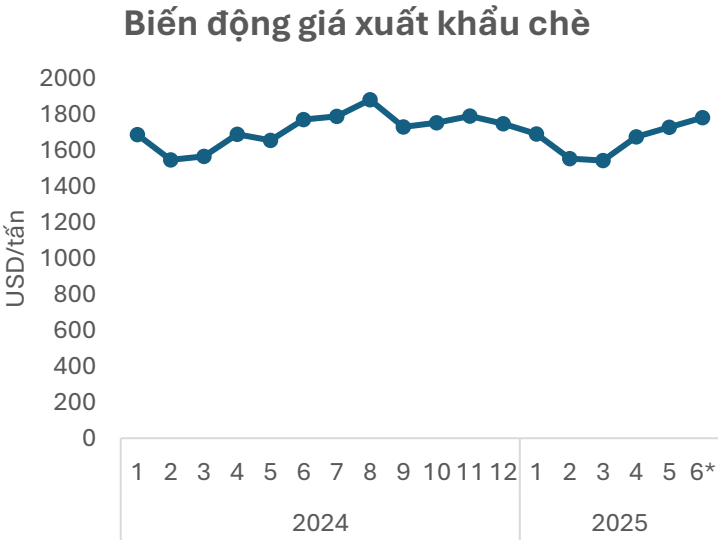


tấn với giá trị 97,9 triệu USD, tuy vẫn giảm 7,5% về khối lượng và giá trị so với cùng kỳ năm trước, mức giảm đã được thu hẹp đáng kể so với các tháng đầu năm.

Giá chè xuất khẩu nhìn chung duy trì ở mức ổn định trong tháng này sau giai đoạn tăng giá đột biến vào tháng 4 do gián đoạn chuỗi cung ứng, trung bình đạt 1.786 USD/tấn, mức cao nhất kể từ đầu năm, kéo giá bình quân 6 tháng lên mức 1.675 USD/tấn (chỉ giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ).

Giá chè nguyên liệu trong nước cũng duy trì ở mức ổn định, dao động trong khoảng từ 25.000 đến 35.000 đồng/kg, mức phổ biến tại các tỉnh sản xuất lớn như Lào Cai và Thái Nguyên (Theo Khuyennongvn.gov.vn). Đối với chè thành phẩm, giá bán lẻ trong nước được ghi nhận ở mức 80.000 đến 250.000 đồng/kg tùy theo chủng loại và phương pháp chế biến, từ đó phản ánh rõ xu hướng phân hóa tiêu dùng, với nhóm chè cao cấp và chế biến sâu ngày càng được quan tâm tại thị trường này.

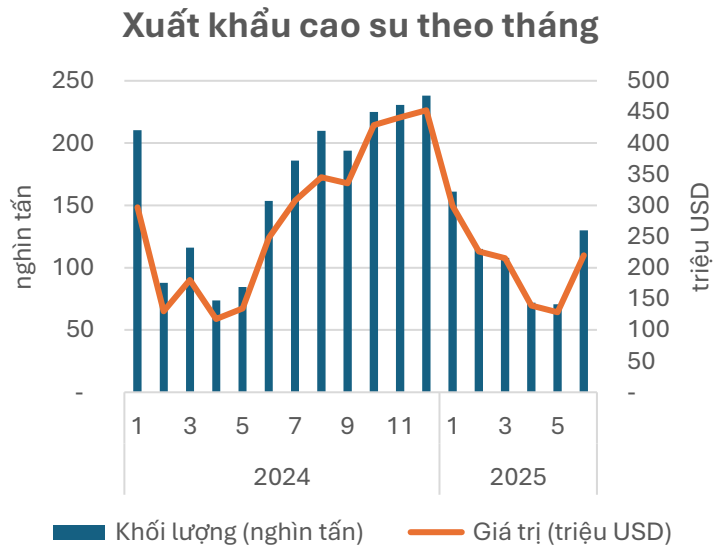
Các doanh nghiệp xuất khẩu chè Việt Nam đánh giá mặt bằng giá hiện tại đang tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc chốt đơn hàng với các đối tác lâu năm ở châu Á và Trung Đông, trong bối cảnh cước vận chuyển đã bắt đầu điều chỉnh nhẹ và nguồn cung từ các nước sản xuất lớn chưa có sự phục hồi rõ nét. Nhìn chung, chuỗi giá trị chè Việt Nam đang từng bước chuyển mình sang chiều sâu, chú trọng chất lượng, giá trị gia tăng và ổn định thị trường dài hạn.



7. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 6 năm 2025 ước đạt 130 nghìn tấn với giá trị đạt 219,9 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 6 tháng đầu năm 2025 đạt 680,1 nghìn tấn và 1,27 tỷ USD, giảm 6,5% về khối lượng và tăng 14,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao su xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 1864,7 USD/tấn, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Những ngày đầu tháng 6 ghi nhận xu hướng giá latex nội địa suy giảm nhẹ ngay cả khi giá quốc tế tăng, thị trường cao su tươi sáng hơn so với tháng 5/2025 khi giá tăng mạnh trên sàn quốc tế nhưng chưa có tác động đến giá nội địa. Sản lượng khai thác mủ từ vườn cao su tiêu điều tăng, giúp ổn định nguồn cung trong nước.

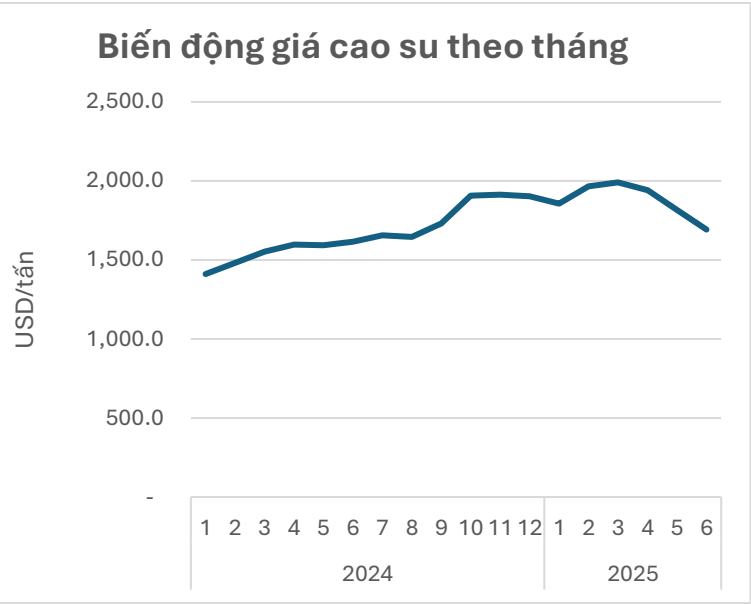


Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam với thị phần chiếm 70%. Bên cạnh đó, Malaysia đang nổi lên như một điểm sáng trong bức tranh thị trường xuất khẩu cao su những tháng đầu

năm 2025. Xuất khẩu dự kiến tăng khoảng 10% so năm 2024 nhờ giá cao, thuế xanh và chứng chỉ bền vững (EUDR, PEFC/VFCS) hỗ trợ mở rộng thị trường EU, Hoa Kỳ. Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) dự báo thâm hụt cao su toàn cầu tiếp tục, sản lượng chỉ tăng 0,3% trong khi cầu tăng 1,8%, giữ giá cao ổn định trong năm 2025.

Khối lượng cao su nhập khẩu tháng 6 năm 2025 ước đạt 160 nghìn tấn với giá trị đạt 250,1 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu cao su 6 tháng đầu năm 2025 đạt 845,3 nghìn tấn và 1,44 tỷ USD, tăng 7,5% về khối lượng và tăng 21,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao su nhập khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 1701,8 USD/tấn, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2024.

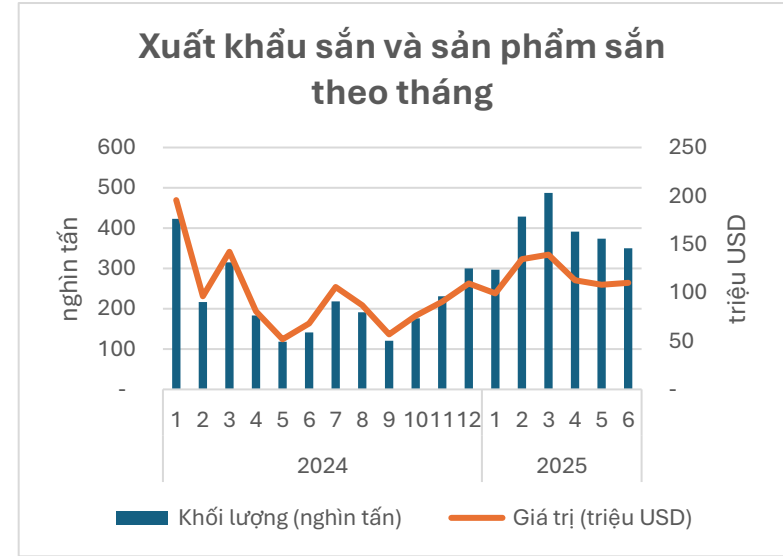
Về cơ cấu thị trường nhập khẩu, Campuchia, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là ba nguồn cung chủ lực, chiếm thị phần lần lượt là 29,4%, 16,3% và 11%. Việt Nam đang tăng cường nhập khẩu cao su của Indonesia, đạt mức tăng gấp 3,3 lần so với cùng kỳ năm 2024. Dự báo sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu sẽ tăng vào năm 2025, nhưng tốc độ tăng trưởng nhu cầu có khả năng sẽ vượt cung, trong khi cây cao su già cỗi và diện tích trồng bị thu hẹp tại các khu vực sản xuất ở Đông Nam Á.



8. Sắn

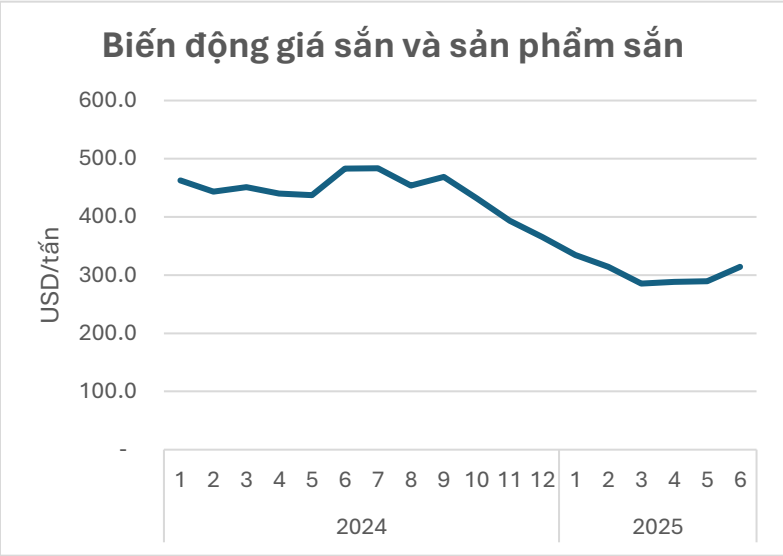
Khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn tháng 6 năm 2025 ước đạt 272,2 nghìn tấn với giá trị đạt 85,3 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn 6 tháng đầu năm 2025 đạt 2,3 triệu tấn và 687,1 triệu USD, tăng 63% về khối lượng và tăng 9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024. Theo đó, giá sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 303,8 USD/tấn, giảm 33,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực của sắn và các sản phẩm sắn, chiếm tới 93,4% thị phần. Tuy nhiên Việt Nam đang chịu cạnh tranh gay gắt từ Thái Lan, Lào và Campuchia, đặc biệt tại thị trường Trung Quốc. Ngoài ra, tồn kho sắn trên thị trường Trung Quốc vẫn còn cao, giá vẫn chưa thể phục hồi nhanh. Mặc dù diện tích trồng sắn giảm khoảng 30% tại Campuchia có thể góp phần cân bằng cung - cầu khu vực trong thời gian tới nhưng đà tăng giá vẫn còn hạn chế.



Để giảm rủi ro từ các thị trường đơn lẻ và thích ứng với các biến động quốc tế, Chính phủ và Hiệp hội Sản khuyến nghị cần đa dạng hóa thị trường, đặc biệt đẩy mạnh khai thác các thị trường EU, Mỹ, Hàn Quốc, và Nhật, với định hướng phát triển các sản phẩm chế biến (sản phẩm sấy khô, tinh chế, starch biến tính).

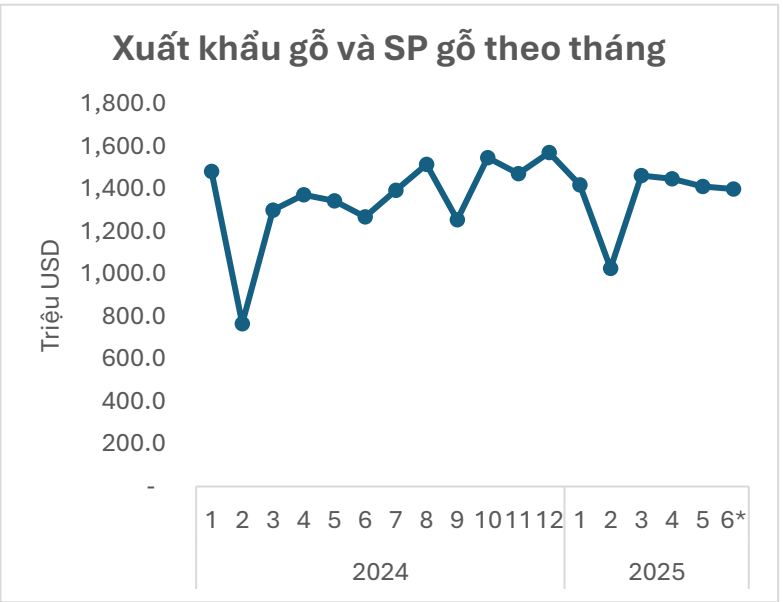
Tại thị trường trong nước, giá sản trong tháng 6 không ghi nhận nhiều biến động so với tháng 5. Nguồn cung sản tươi vẫn ở mức dồi dào do đang trong vụ thu hoạch đầu năm, giúp các nhà máy duy trì hoạt động thu mua ổn định. Nhu cầu tiêu thụ nội địa có dấu hiệu phục hồi nhẹ nhờ ngành chăn nuôi heo dần ổn định trở lại sau dịch bệnh, song mức phục hồi này chưa đủ tạo áp lực đẩy giá lên. Cụ thể, trong tháng 6/2025, giá sản tươi tại các tỉnh miền Nam ổn định ở mức 7.400-8.500 đồng/kg. Giá sản lát dùng cho thức ăn chăn nuôi vẫn dao động ở khoảng 180-200 USD/tấn FOB tại Quy Nhơn. Một số nhà máy tinh bột chào giá khoảng 400-410 USD/tấn FOB tại TP.HCM, tương đương so với mức đầu tháng 1/2025.



9. Gỗ

Theo Cục chuyển đổi số, MAE, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tháng 6/2025 ước đạt khoảng 1,4 tỷ USD, tăng mạnh so với tháng trước và là mức cao nhất kể từ đầu năm. Tính lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt khoảng 8,21 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể, nhóm đồ nội thất bằng gỗ đóng góp khoảng 60,7% giá trị xuất khẩu toàn ngành, tương đương gần 3,3 tỷ USD và tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong tháng 6, đặc biệt là các mặt hàng ghế khung gỗ, ván sàn, ván kỹ thuật, gỗ MDF, và viên nén gỗ.

Về thị trường, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với tỷ trọng lên đến 55,6%, đạt mức tăng trưởng 12,1% về giá trị so với cùng kỳ. Nhật Bản và Trung Quốc lần lượt chiếm 12,6% và 10,4%, trong đó xuất khẩu sang Nhật tăng mạnh 26,7%, trong khi Trung Quốc giảm sâu 20,2%. Đáng chú ý, Tây Ban Nha là thị trường tăng trưởng mạnh nhất với mức tăng 55,4%, trái ngược với xu hướng suy giảm ở một số thị trường truyền thống. Trong khi đó, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Thái Lan là 3 thị trường cung cấp gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là 42,6%, 14,8% và 4,6%. So với cùng kỳ năm trước, giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 5 tháng đầu năm 2025 từ thị trường Trung Quốc tăng 21,1%, thị trường Hoa Kỳ tăng 51,6%, thị trường Thái Lan giảm 5,1%.



Trong nhóm 15 thị trường nhập khẩu lớn nhất, giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh nhất ở thị trường Bỉ với mức tăng 92,8% và giảm mạnh nhất ở thị trường Chilê với mức giảm 42,9%.

Tại thị trường trong nước, giá gỗ nguyên liệu nhìn chung ổn định, với gỗ cao su dao động từ 2,5 đến 3,2 triệu đồng/m³ và gỗ keo tròn khoảng 1,2 đến 1,5 triệu đồng/tấn. Các sản phẩm gỗ chế biến sâu như MDF, ván ghép và nội thất tăng nhẹ 1 đến 2% so với tháng trước.

Trên thị trường quốc tế, giá gỗ xẻ tại Hoa Kỳ đang có xu hướng phục hồi nhẹ nhờ nhu cầu xây dựng tăng trở lại và chính sách điều chỉnh thuế nhập khẩu gỗ từ Canada. Trong khi đó, tại châu Âu, giá viên nén gỗ có xu hướng giảm do mùa hè nhu cầu thấp và tồn kho cao. Tại Trung Quốc, xu hướng nội địa hóa nguồn cung làm giảm giá nhập khẩu nhưng nhu cầu đối với nguyên liệu chất lượng cao vẫn giữ ổn định.

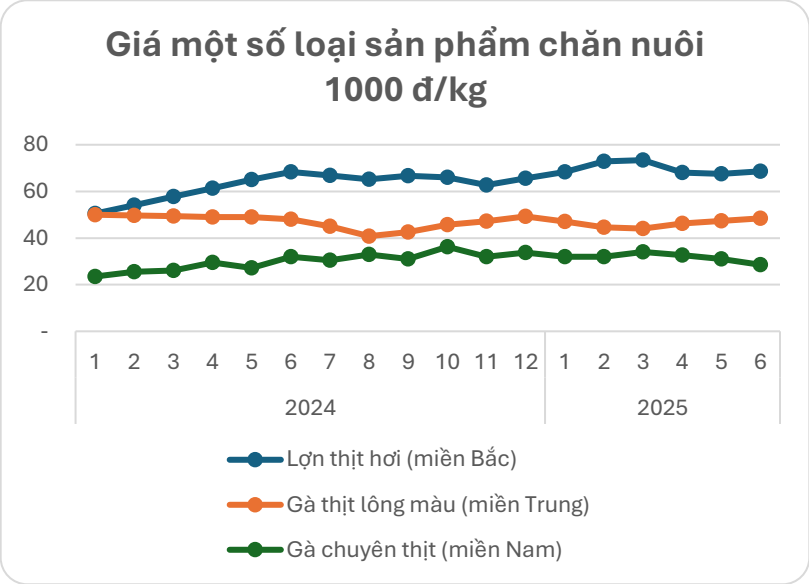
Bên cạnh các diễn biến tích cực nêu trên, ngành gỗ Việt Nam vẫn đang chịu sức ép lớn từ các chính sách thương mại ngày càng chặt chẽ của các nước nhập khẩu lớn như Mỹ và EU, nhất là liên quan đến truy xuất nguồn gốc hợp pháp, phát thải carbon và trách nhiệm xã hội. Ngoài ra, nguy cơ gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá và thuế đối ứng từ Hoa Kỳ cũng cần được theo dõi sát.

10. Chăn nuôi

Tính đến cuối tháng 5/2025, tổng số lợn của Việt Nam ước đạt 27,1 triệu con, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó một số địa phương có số đầu con tăng cao do thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi như: Tây Ninh, Gia Lai, Tiền Giang. Đàn gia cầm duy trì tăng trưởng ổn định, ước tính đến cuối tháng 5/2025, tổng số gia cầm cả nước đạt 584,3 triệu con, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Chăn nuôi lợn, gia cầm tương đối thuận lợi nhờ dịch bệnh được kiểm soát, giá bán sản phẩm duy trì ở mức có lợi cho người chăn nuôi. Thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, chính sách hỗ trợ về con giống, thức ăn chăn nuôi và vốn vay ưu đãi đã góp phần khuyến khích người dân tái đàn, mở rộng quy mô sản xuất.

Đàn trâu, bò của cả nước tiếp tục giảm, ước tính đến cuối tháng 5/2025, tổng số trâu cả nước khoảng 2,1 triệu con, giảm 3,6%; bò khoảng 6,3 triệu con, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân số trâu giảm là do hiệu quả kinh tế chăn nuôi trâu thấp, thời gian nuôi dài làm ảnh hưởng đến khả năng duy trì quy mô đàn. Chăn nuôi bò vẫn gặp khó khăn do thiếu quỹ đất chăn thả, chi phí thức ăn cao và hiệu quả kinh tế chưa thực sự hấp dẫn người chăn nuôi.

Trong tháng 6/2025, giá gà thịt lông màu tăng ở cả 3 miền, với mức tăng rõ rệt tại miền Nam (6,5%). Khoảng cách giá giữa các vùng tiếp tục mở rộng, miền Nam cao hơn miền Bắc tới 3.100 đ/kg. Trong khi đó, giá lợn thịt hơi ổn định hơn, dao động trong khoảng 68.000 – 73.000 đ/kg, phản ánh không có biến động lớn về dịch bệnh hay nhu cầu trong nước. Chênh lệch giữa các vùng tiếp tục được duy trì, trong đó miền Nam cao hơn miền Bắc khoảng 4.760 đ/kg (tương đương 7%), do chi phí trung gian và thị trường tiêu dùng lớn.



Ước tính trong tháng 6/2025, giá trị xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam đạt 49,2 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2025 đạt 264,4 triệu USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 46,1 triệu USD, giảm 27,8%; trong khi xuất khẩu thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 101,4 triệu USD, tăng 28,2%.

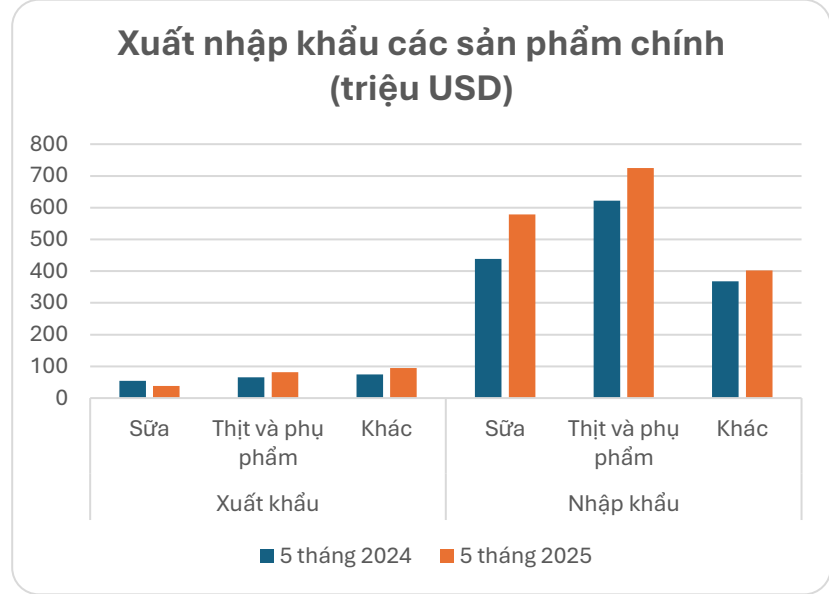
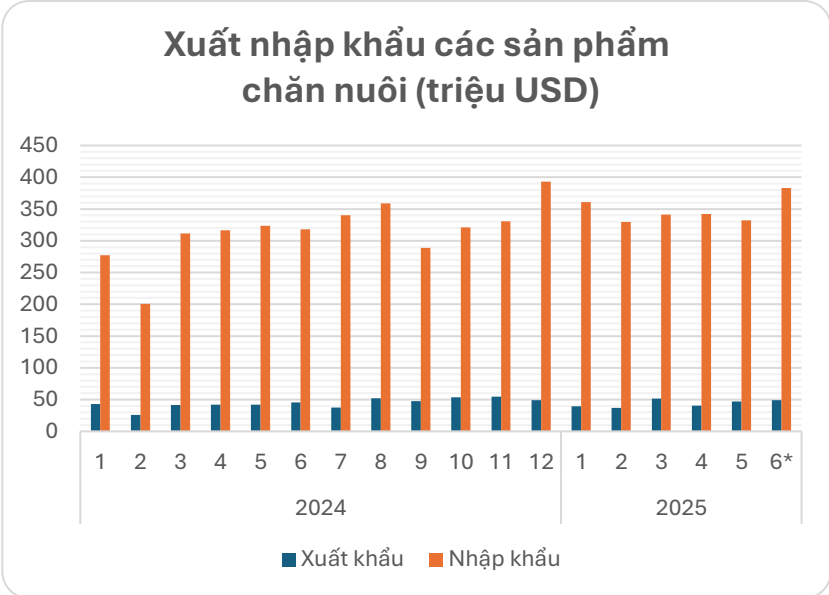
Hồng Kông tiếp tục là thị trường xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi chủ lực của Việt Nam, chiếm hơn một nửa tổng giá trị xuất khẩu. Bên cạnh đó Trung Quốc cũng là điểm đến quan trọng cho các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam khi một số sản phẩm đã được cấp phép xuất khẩu chính ngạch.

Giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi tháng 6/2025 của Việt Nam ước đạt 383,3 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2025 đạt 2,11 tỷ USD, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 749 triệu USD, tăng 40,1%; nhập khẩu thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 872,8 triệu USD, tăng 14,5%.

Newzealand, Hoa Kỳ, Australia, Ireland và Thái Lan là các thị trường chủ yếu cung cấp sữa và sản phẩm sữa cho Việt Nam; trong đó Newzealand là thị trường cung cấp lớn nhất, chiếm trên 30% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này.

Theo Meat & Livestock, giá thịt lợn thế giới tháng 6/2025 tăng mạnh (16,39%), đạt 242,40 USD/tấn. Nguyên nhân do thiếu hụt nguồn cung tạm thời tại các nước sản xuất lớn, nhu cầu tăng mạnh từ châu Á và chi phí sản xuất cao. Giá thịt lợn thế giới có thể vẫn duy trì ở mức cao trong tháng 7/2025 do nhu cầu chưa hạ nhiệt và nguồn cung chưa thể phục hồi ngay. Giá thịt bò thế giới tháng 6/2025 ghi nhận giảm nhẹ 0,46%, xuống mức 57.938,70 USD/tấn. Đây là tháng giảm giá thứ hai liên tiếp trong năm 2025 do nguồn cung cải thiện từ một số thị trường và giá đã đạt đỉnh vào cuối năm 2024. Trong ngắn hạn, giá thịt bò thế giới ít có khả năng tăng đột biến nếu không có biến động lớn về cung – cầu.

Dự báo thị trường thế giới trong những tháng tới sẽ chuyển biến tích cực và dần đi vào ổn định. Nhu cầu tại các nền kinh tế lớn (Hoa Kỳ) được kích thích bởi tập quán tiêu dùng trong mùa hè ở các nước bắc bán cầu, trong khi nguồn cung toàn cầu từng bước được khôi phục và điều tiết linh hoạt hơn. Những yếu tố này sẽ giúp thị trường duy trì được sự cân bằng trong ngắn hạn và tạo nền tảng tốt cho sự ổn định dài hạn.



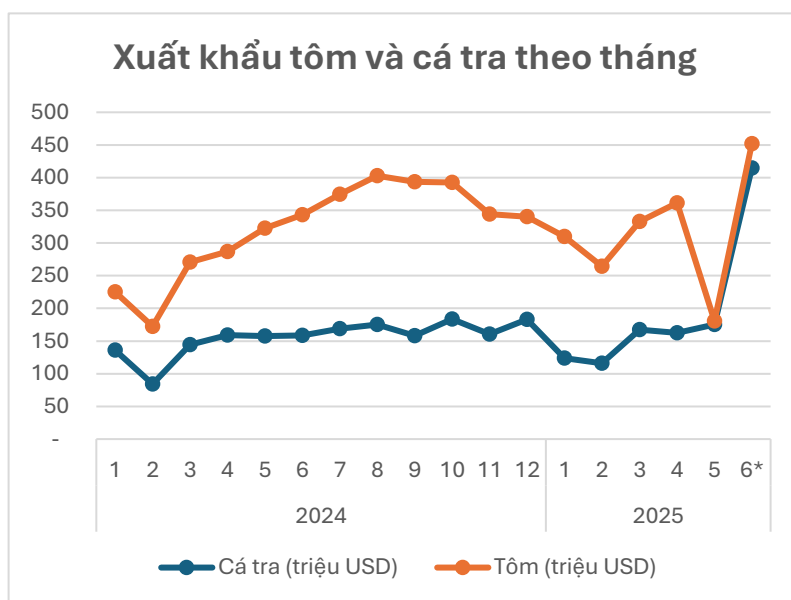
11. Thủy sản

Tháng 6 năm 2025, thị trường thủy sản toàn cầu chứng kiến nhiều biến động. Trong khi ngành tôm cho thấy dấu hiệu phục hồi về giá sau một thời gian dài ở mức thấp, thì ngành cá tra lại đối mặt với những thách thức mới. Nhu cầu từ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU, và Trung Quốc vẫn duy trì ở mức ổn định, tạo cơ hội cho các nhà xuất khẩu có khả năng cung ứng sản phẩm chất lượng cao và bền vững. (i) Thị trường tôm toàn cầu trong tháng 6/2025 cho thấy những tín hiệu tích cực. Sau một thời gian dài giá tôm ở mức thấp kỷ lục do tình trạng dư cung, đặc biệt là từ Ecuador, các nhà sản xuất tại nhiều quốc gia đã chủ động giảm tốc độ tăng trưởng sản xuất. Động thái này đã giúp thu hẹp khoảng cách cung - cầu, dẫn đến sự phục hồi dần dần về giá. Dự báo cho thấy giá tôm, đặc biệt là tôm sú, có xu hướng tăng nhẹ. Nhu cầu ổn định từ thị trường Mỹ và EU là động lực chính cho sự phục hồi này. (ii) Thị trường cá tra, đối mặt với một số thách thức trong nửa đầu năm 2025. Mặc dù nhu cầu từ các thị trường nhập khẩu vẫn tồn tại, giá cá tra xuất khẩu gặp khó khăn trong việc tăng trưởng do sự cạnh tranh từ các loại cá thịt trắng khác và những rào cản kỹ thuật tại một số thị trường.

Theo ước tính của Cục Chuyển đổi số, MAE, Giá trị xuất khẩu hàng thủy sản tháng 6 năm 2025 ước đạt 950 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu hàng thủy sản 6 tháng đầu năm 2025 đạt 5,16 tỷ USD, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm 2024. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản là 3 thị trường tiêu thụ hàng thủy sản lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là 19,6%, 18,2% và 15%. So với cùng kỳ năm trước, giá trị xuất khẩu hàng thủy sản 5 tháng đầu năm 2025 sang thị trường Trung Quốc tăng 53,7%, thị trường Hoa Kỳ tăng 22,8%, thị trường Nhật Bản tăng 9,1%. Trong nhóm 15 thị trường xuất khẩu lớn nhất, giá trị xuất khẩu hàng thủy sản tăng mạnh nhất ở thị trường Braxin với mức tăng 71,3% và giảm mạnh nhất ở thị trường Ôxtrâyliia với mức giảm 1,4%. Tháng 6 là giai đoạn cao điểm cho các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trong việc đẩy mạnh xuất khẩu tôm sang Mỹ. Nguyên nhân chính là do lo ngại về việc Mỹ sẽ áp thuế chống trợ cấp (CVD) lên tôm Việt Nam, dự kiến có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2025. Để né mức thuế tiềm năng, các nhà nhập khẩu Mỹ đã tăng cường đặt hàng và các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã tối đa hóa lượng hàng xuất đi trong tháng này. Điều này tạo ra một sự tăng trưởng đột biến về kim ngạch trong ngắn hạn nhưng cũng tiềm ẩn những lo ngại về sự sụt giảm đơn hàng trong quý III.

Về giá nguyên liệu thủy sản trong tháng 6. Giá tôm nguyên liệu trong nước, đặc biệt là tại Đồng bằng sông Cửu Long, đã có xu hướng tăng nhẹ và duy trì ở mức ổn định, giúp người nuôi có lãi. Cụ thể, giá tôm thẻ chân trắng loại 30-40 con/kg dao động quanh mức 190.000 - 270.000 đồng/kg. Trong khi đó, giá cá tra nguyên liệu tại các vùng nuôi trọng điểm vẫn giữ ở mức tốt cho nông dân (khoảng 29.000 - 30.500 đồng/kg).

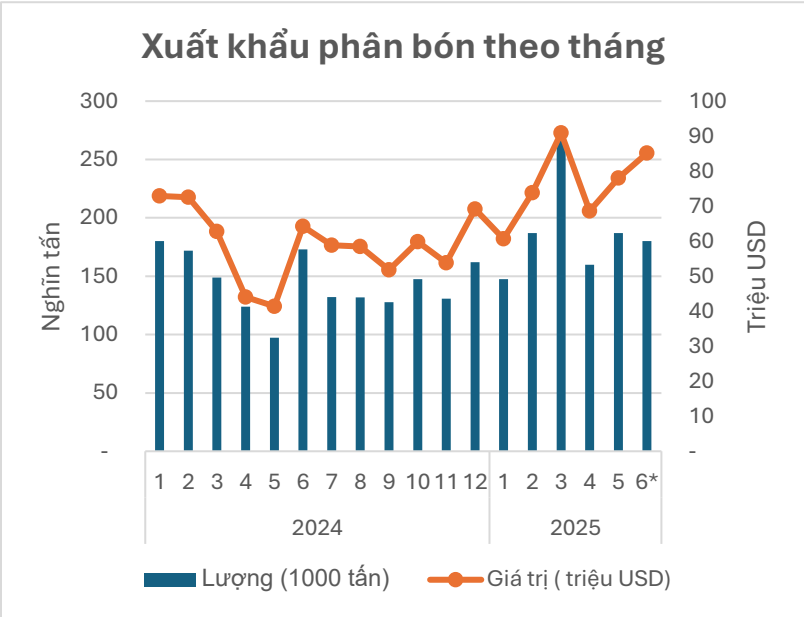
Bước vào nửa cuối năm 2025, ngành thủy sản Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều thách thức. Vấn đề lớn nhất là tác động từ chính sách thuế chống trợ cấp của Mỹ đối với ngành tôm, có thể làm giảm đáng kể kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong những tháng tới. Bên cạnh đó, thẻ vàng IUU của Ủy ban châu Âu (EC) vẫn là một áp lực thường trực, đòi hỏi những nỗ lực không ngừng trong việc quản lý và chống khai thác



hải sản bất hợp pháp. Tuy nhiên, cơ hội vẫn rộng mở. Nhu cầu từ các thị trường, đặc biệt là Trung Quốc, được dự báo sẽ tiếp tục tăng. Mùa lễ hội cuối năm tại Mỹ và EU sẽ là thời điểm vàng để thúc đẩy tiêu thụ.

12. Phân bón

Tháng 6 năm 2025 chứng kiến giá phân bón thế giới tăng vọt, đặc biệt là Urê. Giá bán lẻ Urê tại Mỹ đạt \$663/tấn (+24% so với cùng kỳ năm trước), DAP lần đầu vượt mốc \$800/tấn kể từ tháng 7/2023. Nguyên nhân chính, (i) Nguồn cung bị siết chặt trong đó Trung Quốc duy trì hạn chế xuất khẩu nghiêm ngặt, loại bỏ một nhà cung cấp lớn khỏi thị trường. (ii) Gián đoạn sản xuất, khi các nhà máy Urê tại Ai Cập liên tục ngừng hoạt động do thiếu khí đốt. Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông làm gia tăng rủi ro, đẩy giá kỳ hạn tăng vọt. (iii) Nhu cầu mạnh mẽ, các quốc gia nông nghiệp lớn như Ấn Độ và Brazil tăng cường nhập khẩu để dự trữ cho mùa vụ. Dự báo của Ngân hàng Thế giới giá phân bón sẽ tăng 7% trong cả năm 2025, trong đó Urê có thể tăng đến 15%.



Tình hình thị trường trong nước, nguồn cung phân bón trong nước tăng cao nhờ tăng cường năng lực sản xuất trong nước. Trong 4 tháng 2025, sản xuất phân U rê đạt 960 nghìn tấn, tăng 1,8%; phân lân đạt 407 nghìn tấn, tăng 22,3%; phân NPK đạt 1,14 triệu tấn, tăng 18,5%; phân DAP đạt 160 nghìn tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ 2024 (theo MOIT). Trong đó, xuất khẩu tháng 5 đạt 187 nghìn tấn, giá trị 78 triệu USD, tăng mạnh 92,1% về lượng và tăng 88,5% về giá trị so với cùng kỳ 2024. Dự báo của Bộ Công thương, tổng lượng tiêu thụ phân bón trong nước vào tháng 6/2025 ước đạt 170.000 tấn, tăng nhẹ khoảng 10.000 tấn so với tháng 5. Nhu cầu này chủ yếu đến từ việc nông dân bón phân cho vụ lúa Hè Thu tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và chăm sóc các loại cây công nghiệp tại Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Chính Sách Mới và Tác Động như: Luật Thuế VAT 5% từ ngày 01/07/2025, phân bón chịu thuế VAT 5% kỳ vọng tác động tích cực, tạo cú hích lớn cho doanh nghiệp sản xuất trong nước. Họ sẽ được khấu trừ thuế VAT đầu vào (cho khí, điện, vận tải).

Giá phân bón khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên ổn định ít biến động, cụ thể Giá phân Urê của các thương hiệu lớn như Cà Mau và Phú Mỹ dao động trong khoảng 610.000 - 660.000 đồng/bao. Phân Kali bột có giá từ 490.000 - 580.000 đồng/bao. Phân NPK 16-16-8 có giá từ 650.000 - 750.000 đồng/bao, trong khi loại NPK 20-20-15 TE cao cấp hơn có giá từ 890.000 - 930.000 đồng/bao. Khu vực Miền Trung có Giá Urê Phú Mỹ và Ninh Bình cũng ở mức tương tự, khoảng 610.000 - 650.000 đồng/bao. Đáng chú ý, giá NPK 20-20-15 tại khu vực này có phần cao hơn, dao động từ 910.000 - 980.000 đồng/bao. Khu vực Tây Nam Bộ: Giá Urê Cà Mau và Phú Mỹ dao động từ 610.000 - 640.000 đồng/bao. Phân DAP nhập khẩu (Hồng Hà) có giá rất cao, từ 1.250.000 - 1.300.000 đồng/bao, phản ánh giá thế giới tăng mạnh. Sự ổn định của giá bán lẻ trong nước trong tháng 6, trái ngược với sự biến động dữ dội của giá thế giới, có thể được lý giải bởi sự ổn định từ nguồn cung nội địa. Việt Nam có năng lực sản xuất Urê rất lớn, với bốn nhà máy trọng điểm là Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau, Đạm Hà Bắc và Đạm Ninh Bình, có tổng công suất thiết kế lên tới gần 3 triệu tấn mỗi năm, đủ sức đáp ứng và thậm chí vượt nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Nhận định trong những tháng tiếp theo, trước các biến động toàn cầu, như: rủi ro biến động giá năng lượng và địa chính trị toàn cầu, cạnh tranh từ hàng nhập khẩu giá rẻ (có thể từ Nga). Khuyến nghị cho Doanh nghiệp: Xây dựng kế hoạch tận dụng tối đa lợi thế từ luật thuế VAT mới. Xem xuất khẩu là định hướng chiến lược dài hạn, tập trung vào các thị trường chất lượng cao. Đầu tư R&D cho các sản phẩm phân bón thế hệ mới. Khuyến nghị cho Nông dân: Lập kế hoạch mua hàng linh hoạt, tránh mua vào cao điểm. Áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến để nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón. Xem xét sử dụng kết hợp phân bón hữu cơ để cải tạo đất và giảm phụ thuộc vào phân hóa học.

Nhận định tháng 7/2025

FAO dự báo tổng thương mại ngũ cốc sẽ giảm trong niên vụ 2024/25, do nhu cầu thấp hơn từ Trung Quốc và nguồn cung xuất khẩu hạn chế từ các nhà cung cấp chính như Brazil. Ngược lại, thương mại gạo được dự báo sẽ đạt mức cao kỷ lục, cho thấy các mặt hàng khác nhau đang đi theo những quỹ đạo riêng biệt. Đối với gạo FAO dự báo sản lượng 2025 đạt 551,5 triệu tấn. Động lực chính là sự gia tăng sản lượng dự kiến ở châu Á, đặc biệt là một vụ thu hoạch kỷ lục ở Ấn Độ. Thương mại quốc tế được dự báo sẽ mở rộng lên mức cao kỷ lục khoảng 60,4-61,7 triệu tấn, được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ từ châu Phi. Tiêu thụ gạo bình quân đầu người trên toàn cầu dự kiến sẽ tăng, đặc biệt là ở các Nước Thiếu lương thực Thu nhập thấp.

Ngân hàng Thế giới dự báo chỉ số giá nông sản của mình sẽ giảm dần 1% vào năm 2025 và 3% vào năm 2026. Chỉ số phụ về giá lương thực được dự kiến sẽ giảm mạnh hơn, khoảng 7% vào năm 2025, do nguồn cung ngũ cốc dồi dào. Một ngoại lệ đáng chú ý là giá đồ uống, được dự báo sẽ tăng vọt trong năm 2025 do các vấn đề thời tiết ảnh hưởng đến cây trồng như cà phê và ca cao.

Tính đến tháng 6 năm 2025, dự báo chủ đạo từ Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA) là điều kiện ENSO- Trung tính sẽ tiếp tục kéo dài qua mùa hè Bắc bán cầu và có khả năng kéo dài đến mùa đông 2025-26. Khả năng xảy ra La Niña tăng lên vào mùa thu nhưng vẫn thấp hơn khả năng xảy ra Trung tính. Rủi ro về các sự kiện thời tiết cực đoan bất ngờ (hạn hán, lũ lụt) không được các mô hình nắm bắt sẽ tăng lên. Điều này làm tăng sự biến động của thị trường, vì bất kỳ sự kiện thời tiết bất ngờ nào ở một vùng trồng trọt quan trọng (ví dụ: Trung Tây Hoa Kỳ, Brazil, Ấn Độ) đều có thể nhanh chóng thay đổi cán cân cung-cầu.

*Ghi chú: Nguồn số liệu từ Cục Hải quan, Cục Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tổng hợp của Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường. *là số ước tính*